

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

**1. Tên tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn**2. Mã chức khoán:** LSS**3. Địa chỉ:** Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ báo cáo tài chính Quý IV/2014 do Công ty CP mía đường Lam Sơn lập và phát hành ngày 10/02/2015.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 do Công ty CP mía đường Lam Sơn lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young .

Công ty chúng tôi giải trình chênh lệch số liệu tài chính trên báo cáo tài chính năm 2014 trước và sau kiểm toán như sau:

**I. Báo cáo riêng****1. Bảng cân đối kế toán:**

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
<b>1.1</b>	<b>Các chỉ tiêu tài sản</b>			
-	Phải thu khách hàng	119.739.977.316	120.379.236.215	639.258.899
-	Hàng tồn kho	120.968.201.071	120.179.885.072	(788.315.999)
-	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	73.244.947.814	60.021.949.769	(13.222.998.045)
-	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(32.962.898.389)	(33.286.804.092)	(323.905.703)
<b>1.2</b>	<b>Các chỉ tiêu nguồn vốn</b>			
-	Phải trả người bán	65.279.149.213	51.907.094.068	(13.372.055.145)

**2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD:**

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
2.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.541.278.216.823	1.541.459.527.723	(181.310.900)
2.2	Giá vốn hàng bán	1.358.249.077.107	1.358.430.388.007	(181.310.900)
2.3	Chi phí tài chính	55.852.862.053	20.336.760.382	(323.905.703)
2.4	Chi phí thuế TNDN	15.653.817.185	15.582.557.930	71.259.255
2.5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	54.548.241.375	54.295.594.927	252.646.448

**3. Lý do chênh lệch:**

- (1.1) Điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang và phải trả người bán (công ty con) phần chi phí dự án chưa quyết toán số tiền tương ứng là 13.222.998.045 đồng.
- (2.1) (2.2) Ghi nhận tăng doanh thu bán ngọn giống tương ứng với khoản phải thu khách hàng với số tiền là 181.310.900 đồng, ghi nhận giảm hàng tồn kho và tăng giá vốn hàng bán với cùng số tiền là 181.310.900 đồng.
- (1.1) Ghi nhận giảm hàng tồn kho, tương ứng số ghi nhận giảm của phải thu khách hàng và phải trả người bán với số tiền lần lượt là 457.947.999 đồng và 149.057.100 đồng.
- (1.1) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tăng 323.905.703 đồng là do trích bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ở công con.



- (2.4) (2.5) Lợi nhuận sau thuế giảm 252.646.448 và chi phí thuế TNDN giảm 71.259.255 đồng là do tăng trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty con.

## II. Báo cáo hợp nhất

### 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước KT	Số liệu sau KT	Chênh lệch
<b>1.1</b>	<b>Các chỉ tiêu tài sản</b>			
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	229.908.794.588	230.408.794.588	500.000.000
-	Đầu tư ngắn hạn	500.000.000	-	(500.000.000)
-	Phải thu khách hàng	155.688.069.655	175.041.575.880	19.353.506.225
-	Trả trước cho người bán	139.815.188.941	120.213.145.912	(19.602.043.029)
-	Thuế và các khoản khác phải thu NN	21.979.828	255.135.676	233.155.848
<b>1.2</b>	<b>Các chỉ tiêu nguồn vốn</b>			
-	Phải trả người bán	67.790.100.425	67.657.090.949	(133.009.476)
-	Người mua trả tiền trước	1.212.658.869	383.205.666	(829.453.203)

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước KT	Số liệu sau KT	Chênh lệch
2.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.737.819.483.205	1.733.109.059.477	(4.710.423.728)
2.2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	1.530.207.285.820	1.525.946.168.520	(4.261.117.300)
2.3	Chi phí tài chính	67.299.913.244	65.332.834.194	(1.967.079.050)
2.4	Thu nhập khác	8.419.939.306	6.721.139.306	(1.698.800.000)
2.5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.043.060.576	46.421.683.825	378.623.249
2.6	Lợi ích của các cổ đông thiểu số	(230.995.792)	(4.922.031.038)	(4.691.035.246)
2.7	Lợi ích của Công ty mẹ	46.274.056.368	51.343.714.863	5.069.658.495

### 3. Lý do chênh lệch:

- (1.1) Phân loại khoản Đầu tư ngắn hạn sang Các khoản tương đương tiền là 500.000.000 đồng.
- (1.1) Điều chỉnh do loại trừ giao dịch Phải thu khách hàng 19.353.506.225 đồng và Trả trước người bán 19.602.043.029 đồng giữa Công ty mẹ, các Công ty con trong nội bộ tập đoàn.
- (1.1) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước chênh lệch 233.155.848 đồng do điều chỉnh số liệu của Công ty con.
- (2.1) (2.2) Điều chỉnh do loại trừ giao dịch Doanh thu bán hàng 4.710.423.728 đồng và Giá vốn hàng bán 4.261.117.300 đồng giữa Công ty mẹ, các Công ty con trong nội bộ tập đoàn.
- (2.3) (2.4) Điều chỉnh do loại trừ Chi phí tài chính 1.967.079.050 đồng và Thu nhập khác 1.698.800.000 đồng giữa Công ty mẹ, các Công ty con trong nội bộ tập đoàn.
- (2.6) Lợi ích cổ đông thiểu số chênh lệch (4.691.035.246) đồng là do:
  - Trước kiểm toán Công ty tính tỷ lệ Lợi ích của các cổ đông thiểu số tại ngày mua cổ phần từ cổ đông thiểu số (tháng 12 năm 2014).
  - Sau kiểm toán Công ty tính tỷ lệ Lợi ích của các cổ đông thiểu số theo tỷ lệ cổ đông thiểu số đã nắm giữ trong năm. Theo đó tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty con là (6.512.801.560) đồng giảm (4.691.035.146) đồng so với trước kiểm toán.

Công ty CP mía đường Lam Sơn giải trình đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Quý cổ đông được biết. Chúng tôi cam kết những giải trình trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về các giải trình trên.

**Trân trọng cảm ơn!**

#### Nơi gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM
- Lưu VT; P. TCKT

**CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Phương**